

PHÁP HOA HUYỀN NGHĨA THÍCH THIÊM

QUYỂN 20

Tiếp theo là vấn nạn sáu Tông. Trước là chỉ ra bốn Tông, cùng với trước giống nhau hoàn toàn, đã phá bỏ như trước. Tiếp từ “Kim vấn...” trở xuống là hai Tông Chân-Thường đối chiếu cùng làm vấn nạn, lại có hai: 1. Dùng đồng-dị đối chiếu gộp lại; 2. Từ “Hà giả...” trở xuống là giải thích không khác nhau. Lại có hai: Một. Giải thích khác nhau không phải là Diệu Pháp bởi vì sanh diệt hư nguy; Hai. Từ “Hựu chân...” trở xuống là phân định không phải là Diệu Pháp thì đâu khác gì Bất Chân... Tiếp theo trong vấn nạn về Viên Tông: Trước là nhắc lại chấp trước tổng quát gạt bỏ, tiếp từ “Đại Phẩm...” trở xuống là tách biệt vấn nạn. Lại có hai: 1. Dùng quả pháp cùng dung thông để vấn nạn; Hai. Từ “Hựu vân...” trở xuống là dùng nhân pháp cùng dung thông để vấn nạn. Nhân nhiễm-quả nhiễm thấy đều chính là tịch vốn có tất cả các pháp, lẽ nào không phải là không hai hay sao? Tiếp trong phần chỉ trích năm Tông- sáu Tông không có bằng cứ, nói là trích ra từ kinh Đảnh Vương ấy, đích thân kiểm tra không có văn chưa xem kỹ ý đó.

Tiếp trong phần vấn nạn về giáo Hữu tướng - Vô tướng, có hai: 1. Tổng quát gạt bỏ; 2. Từ “Hà giả...” trở xuống là tách biệt gạt bỏ. Lại có ba: Một. Dùng hai Đế tướng tức để vấn nạn; Hai. Từ “Hoa Nghiêm...” trở xuống Đại Thể của bộ kinh để vấn nạn; Ba. Từ “Đại Phẩm...” trở xuống là tiếp tục dẫn Đại Phẩm kết thúc vấn nạn. Văn phần một có hai: a. Trong phần nêu ta hai Đế nói Tướng Tức, thì Tục đế tức là Hữu tướng, Chân đế tức là Vô tướng, không thể tách rời lẫn nhau; b. Từ “Nhất thiết trí nhân...” trở xuống là dẫn chứng. Người đạt được Nhất Thiết Trí tức là Chứng Chân, Chân tức là Vô Vi, sai biệt tức là Tục, bởi vì hễ còn Dụng. Dụng vô vi này có thể phân biệt, cho nên ngay nơi Tục mà luận về Chân. Văn phần hai lại có hai: a. Theo trong Bộ đã trình bày thì nghĩa không cần phải sai khác? b. Từ “Nhược thuận...” trở xuống là trình bày về tách biệt thiết lập thì có trở ngại. Dựa vào đây bao gồm phân định Lăng Già trở thành Bộ Phương Đẳng, nơi khác nói là Lăng Già

không phải là Thời thứ ba. Bảy quyển kinh văn trong quyển thứ sáu, Đại Tuệ hỏi rằng: “Ngoại đạo hãy còn ngăn cấm không cho phép ăn thịt, huống là Như Lai vì lòng Đại Bi nuôi dưỡng tất cả, mà lại cho phép mình và người ăn thịt hay sao?” Như trong Đại thừa thì kinh Phạm Võng đã chế định, hãy còn giải thích như vậy, nên biết rằng sau Lăng Già - Tứ A Hàm là bắt đầu chế định dần dần. Về sau trong phần Đức Phật trả lời vẫn nói Bồ-tát không nên ăn thịt, cho nên biết rằng trong Tiểu thừa giáo vẫn còn khai mở. Tiếp trong phần vấn nạn về Nhất âm ỹng có hai: 1. Thiết lập chấp trước tổng quát gạt bỏ; 2. Tách biệt vấn nạn. Trong phần tách biệt phân thành sáu: Một- Dùng Lộc Uyển thi thiết Tứ đế Tiểu thừa để vấn nạn? Hai. Dùng tín giải y phục, chuỗi ngọc hai thân để phá bỏ; Ba. “Nhược ngôn...” trở xuống là Sở Hoá quay lại thành Năng Hoá để phá bỏ; Bốn. Từ “Nhược ngôn Pháp Hoa...” trở xuống là dùng Pháp Hoa thuần nhất từ trước về sau để vấn nạn phá bỏ; Năm. Dẫn Hoa Nghiêm vẫn là hai để phá bỏ, sau. Từ “Cổ tri...” trở xuống là kết thúc vấn nạn. Nói Hoa Nghiêm có năm cõi trời cư trú, ấy là nêu chung về năm cõi phía trên, cho nên nói là năm cõi trời, thật ra chỉ có bốn, bởi vì trừ ra cõi Hoá Lạc. Nghĩa là cõi Đạo Lợi thuyết về Thập Trú, cõi Dạ Ma thuyết về Thập Hạnh, cõi Đâu Suất thuyết về Thập Hưởng, cõi Tha Hoá thuyết về Thập Địa.

Bốn là trong phần tìm hiểu tường tận, có hai: 1. Giải thích tên gọi của Chương mục; 2. Từ “Nhược ngữ thời...” trở xuống là chính thức tiến hành tìm hiểu tường tận. Theo thứ tự tường tận về Nam ba, Bắc bảy trước đây đã sử dụng Tông, Giáo thì tìm hiểu có thể thấy cho nên không trở lại phân chia phần đoạn. Hoàn toàn mất đi ba môn cũng mất đi bảy môn ấy, bởi vì trong Bát-nhã Cọng-Bất Cọng, Bất Cọng tuy có Biệt-Viên khác nhau, mà lại nói tổng quát gọi là Bất Không, đối chiếu với bốn trong Cọng để làm thành tám môn, đã chỉ đạt được một, hoàn toàn mất đi ba Cọng và bốn Bất Cọng, cho nên nói là mất đi bảy. Ở đây có thể chỉ trích một loại Thanh văn Tiểu thừa, hoàn toàn mất đi bảy loại Thanh văn ấy, trong tám môn của Tạng-Thông đều có Thanh văn, nếu như gạt bỏ Hữu tướng, thì chỉ gạt bỏ một loại Hữu môn của Tam tạng, hoàn toàn mất đi ba môn còn lại và bốn môn trong Thông giáo, cho nên nói là mất bảy. Hội tụ năm ấy, năm nghĩa là Nhân-Thiên và Tam Thừa. Không hội tụ bảy ấy, bảy nghĩa là Thanh văn - Bích chi Phật, mỗi Thừa đều có hai. Vĩnh viễn mất đi bảy Thuật ấy là Thường-Lạc đều có bốn và Phi Thường, Phi Vô Thường đều có bốn, toàn bộ thành ra tám Thuật, cho nên biết Đản Thường chỉ đạt được một trong tám Thuật

mà thôi. Còn tám Thuật như trong Chỉ Quán quyển thứ tám ghi lại. Hai chim cùng bay lượn là phẩm Điều Dụ trong Đại Kinh thứ tám nói: “Này người thiện nam! Chim có hai loại, một gọi là Ca Lân Đề, hai gọi là Uyên Ương, bay đi hay dừng lại cùng chung đôi chứ không xa rời nhau”. Phẩm này trước đây trả lời sao nói là Cọng Thánh Hạnh. Sa La Ca Lân Đề, xưa nói Sa La là Song-Lân Đề là Điều, nhưng mà Sa La phiên ra là kiên cố không thể nói là Song, hoặc nói là Sa La một đôi- Lân Đề một đôi, hoặc nói là Sa La một con-Lân Đề một con, là dẫn văn nói chim có hai loại vậy. Hoặc là Sa La phiên ra thành Uyên Ương, dẫn chứng rằng trong câu hỏi nói là Sa La, trong trả lời nói là Uyên Ương, chủng loại khác nhau mà nghĩa giống nhau cho nên dùng Uyên Ương thay cho Sa La. Hoặc nói là Sa La phiên ra thành Thiên Hạc, dẫn Nê Hoàn quyển sáu nói là Nhạn Hạc Xá Lợi. Chương An nói: Nhưng mà người Hán không thông thạo Phạm âm, chỉ tăng thêm cạnh tranh gay gắt, ý thuộc về ví dụ chọn lấy giống đực và giống cái ấy cùng nhau bay lượn cùng nhau dừng lại không rời xa nhau, ví như Vô lượng trong một, một trong Vô lượng. Hỏi: Là phàm với Thánh giống nhau, Thánh với phàm giống nhau hay là phàm với phàm giống nhau? Người khác nói: Nếu lúc quán là Thường thì không biết sanh tử Vô Thường, nếu quán sanh tử Vô Thường thì không biết Niết-bàn Thường Trụ. Hai cách giải thích không phân biệt rõ ràng như biết Vàng mà không biết quặng Vàng- biết quặng Vàng mà không biết Vàng, tinh thông nhận biết hai vật thì gọi là Song Quán, ba loại còn lại cũng như vậy; phàm Thánh đều như vậy, cho nên nói là cùng bay lượn. Cách giải thích này trái với thí dụ, một con chim ở dưới thấp là sanh tử, một con chim ở trên cao là Niết-bàn, lên cao-xuống thấp vĩnh viễn khác nhau, cùng bay lượn nơi nào? Lại có người dựa theo Bán-Mãn để trình bày về cùng bay lượn, nói đến cùng bay lượn ấy là sanh tử Niết-bàn đều có Thường và Vô Thường, chọn lấy hai Thường trong sanh tử Niết-bàn làm một đôi hoàn chỉnh, (Mãn) chọn lấy một cặp Vô Thường trong sanh tử, Niết-bàn làm thành một đôi khiếm khuyết (Bán). Nay trình bày không như vậy, hai Thường cùng khởi lên chính là hai Hùng (chim trống) hai Vô Thường cùng đấy lên chính là hai Thư (chim mái). Cũng trái ngược cùng với thí dụ vì vậy không sử dụng. Nay nói cùng bay lượn ấy, là trong sanh tử, Niết-bàn cùng có Thường và Vô Thường, ở dưới thấp ở trên cao cùng bay lượn cùng dừng lại, Sự-Lý tương tức, hai Tức Trung-Trung Tức hai, chẳng hai Trung mà hai Trung, Sự Lý Thư Hùng nghĩa cùng thành tựu. Vì vậy cùng bay lượn này cần phải dựa theo Lục Tức, trong này vốn có phàm cùng với Thánh..., như

ba câu trước đây. Sử dụng Nhất âm ấy là người có Tuệ, phương tiện Giải thoát như nhau, Tuệ chính là Thật - phương tiện tức là Quyền, hai nghĩa tương tức không thể nào xa rời nhau. Người khác sử dụng năm Thời chỉ đạt được phương tiện mà không có Thật Tuệ, cho nên Tịnh Danh nói: Không có Tuệ phương tiện ràng buộc. Vì vậy không có Thật Tuệ mà sử dụng phương tiện, gọi là Ái Kiến Bi, tức là Bồ-tát Tam tạng giáo. Nói tóm lại, ngoại trừ Vô Duyên, tất cả đều gọi là phương tiện ràng buộc. Vậy thì Địa Tiên-Biệt giáo-Xuất Giả Thông Giáo, đều gọi là Ái Kiến. Nếu như chỉ có Nhất âm mà không có Quyền Tuệ, thì không những phương tiện là ràng buộc, mà Tuệ cũng chẳng phải Giải thoát, cho nên Tịnh Danh nói: Không có phương tiện-Tuệ ràng buộc tức là hai chúng không Tuệ. Nói tóm lại, Bồ-tát Thông-Biệt đi vào không, đều gọi là không có phương tiện-Tuệ. Nay sử dụng ý này, gạt bỏ cách dùng Giáo của nơi kia. Các Vị sử dụng Thật, tuy gọi là Nhất âm, nhưng nếu như không có phó duyên, công kích gạt bỏ trở thành Sanh Tô-Thục Tô, giả sử đến Pháp Hoa có thể phù hợp với Nhất Thật, thì gọi là không có phương tiện. Nếu sử dụng lợi ích của năm Thời dần dần dẫn dụ, thì mất đi Nhất âm bình đẳng của các Vị, gọi là không có Tuệ. Vì vậy nay gạt bỏ điều ấy, nghĩa giống như ràng buộc Tuệ và ràng buộc phương tiện.

Năm là trong phần phân định về giáo, nêu ra chương mục và giải thích. Trong giải thích tự có sáu. Thứ nhất trong phần giải thích Đại cương lại phân làm ba: Nêu ra-xếp loại-giải thích. Trong giải thích lại phân làm hai loại Giáo Quán, trong đó lại có hai: 1. Ý về hai môn; 2. Chính thức giải thích. Trong giải thích có hai: Một. Giải thích hai loại; Hai. Từ “Kim biện...” trở xuống là giản lược nêu ra ca ngợi. Văn phần một có hai: a) Dựa theo trong Giáo, đầu tiên giải thích về Đốn giáo, bắt đầu từ Hoa Nghiêm cuối cùng đến Pháp Hoa, đều có nghĩa về Đốn cho nên trong hiển lộ, chỉ trừ ra Lộc Uyển. Bởi vì trong các Bộ khác đều có Đốn giáo, cho nên gọi là Đốn giáo, mà không phải là Đốn bộ. Văn phần (b) là Bất định, cũng lại như vậy. Trong này lại dẫn ra lúc mới thành đạo, tạm thời dựa vào Bí mật, hỗ trợ đi vào trong này, trình bày về Lộc Uyển mới thành tựu, cũng có nghĩa của Đốn, hướng là các kinh ư? Nói là bảy xứ- tám hội ấy, là kinh trước đây có năm mươi quyển, hoặc là sáu mươi quyển thành tựu. Năm Nghĩa Hy thứ mười bốn thời nhà Tấn, Phật Độ bạt đà la Tam Tạng người Bắc Thiên Trúc- Trung Hoa phiên là Giác Hiền, ở tại chùa Tư Không vùng Dương Châu phiên dịch. Về sau có Đại Đường Tam Tạng, vào niên hiệu Chứng Thánh năm thứ nhất, cùng với Thật xoa nan đà người nước Vu Điền-Trung Hoa gọi là Hỷ Giác, phiên

dịch tại chùa Ái Kính, làm thành tám mươi quyển. Nhưng ba bản ở Long Cung, bản Thượng có mười ba thế giới vi trần số kệ, bản trung có bốn chục vạn chín mươi tám ngàn tám trăm (498.800), kệ bản hạ có mười vạn (100.000) kệ bốn mươi tám Phẩm. Nay chỉ có ba mươi chín Phẩm, thì kinh hầy còn chưa đầy đủ. Kinh trước đây có bảy xứ-tám hội, mới phiên dịch lại thêm vào một hội ở cung điện Phổ Quang Minh. Thứ nhất ở Ma Kiệt A-lan-nhã, có sáu phẩm: 1. Thế Chủ Diệu Nghiêm; 2. Như Lai Hiện Tướng; 3. Phổ Hiền Tam muội; 4. Thế Giới Thành Tự; 5. Hoa Tạng Thế Giới; 6. Tỳ Lô Giá Na. Hội thứ hai ở cung điện Phổ Quang Minh nơi khúc cong của sông Hi Liên-Ma Kiệt Đà, có sáu phẩm: 1. Như Lai Danh Hiệu; 2. Tứ Đế; 3- Quang Minh Giác; 4. Bồ-tát Vấn Minh; 5. Tịnh Hạnh; 6. Hiền Thủ. Hội thứ ba ở cung trời Đao Lợi thuyết về Thập Trú có sáu phần: 1. Thăng Tu di Đảnh; 2. Tu di Đảnh Tán Thán; 3. Thập Trú; 4. Phạm Hạnh; 5. Phát Tâm Công Đức, sau vậy. Hội thứ tư ở cung trời Dạ Ma thuyết về Thập Hạnh có bốn phẩm: 1. Thăng Dạ Ma; 2. Dạ Ma Tán Kệ; 3. Thập Hạnh, 4. Vô Tận. Hội thứ năm ở cung trời Đâu Suất thuyết về Thập Hưởng có ba phẩm: 1. Thăng Đâu Suất; 2. Thăng Đâu Suất Tán Thán; 3. Thập Hưởng. Hội thứ sáu ở cung trời Tha Hoá thuyết về Thập Địa có một phẩm. Hội thứ bảy trở lại cung điện Phổ Quang Minh thuyết về Hạnh thắng tiến của Thập Địa có mười một phẩm: 1. Thập Định; 2. Thập Thông; 3. Thập Nhẫn; 4. A Tăng Kỳ; 5. Thọ Lượng; Trình bày về thọ lượng tùy thời của Bồ-tát cảm báo sanh vào Tịnh Độ; 6. Bồ-tát Trú Xứ; 7. Bất Tư Nghị Pháp Minh Phật Quả Đức; 8. Tướng Hải; 9. Tùy Tướng Quang Minh Công Đức; 10. Phổ Hiền Hạnh; 11. Như Lai Xuất Hiện. Hội thứ tám lần thứ ba ở cung điện Phổ Quang Minh thuyết về Lục Vị có một phẩm, gọi là Ly Thế Gian. Hội thứ chín vân du ở Thệ-đa Lâm thuyết về phẩm Nhập Pháp Giới. Hội và xứ như vậy đã trình bày về Vị-Hạnh không ra ngoài Biệt-Viên, nhưng ý kinh bao hàm nghĩa lý khó phân định, bắt đầu từ Trú Tiễn cho đến Đẳng Trú hoàn toàn là nghĩa thuộc về Viên. Từ Trú thứ hai đến Trú thứ bảy, vẫn tương theo thứ tự lại giống như nghĩa thuộc về Biệt. Ở trong bảy Trú lại phân rõ một-nhiều tương tức tự tại. Tiếp theo Hạnh-Hưởng-Địa lại là nghĩa theo thứ tự sai biệt, nhưng mỗi một phần vị đều có hai môn Phổ Hiền Hạnh Bồ, cho nên biết bao gồm sử dụng văn Viên giáo tiếp nhận Biệt giáo. Tiếp theo phần kết luận như văn. Thứ hai là Tiệm giáo, lại có ba: 1. Dựa theo trước sau cùng chung tên gọi là Tiệm; 2. Từ “Hựu thỉ tự...” trở xuống là dựa theo con người thuộc về giáo để phân định là Tiệm; 3. Từ đầu Phương Đẳng đến trước Pháp Hoa đều gọi là Tiệm.

Nhiều nơi trong văn trước và Chỉ Quán... sử dụng Tiệm của trung gian, nay dùng tên gọi đã từng có để cùng phân định chung cả một thời kỳ, do đó tạm thời thiết lập Tạng Thông... như vậy mà thôi. Đốn và Bất định cũng lại như vậy. Nay trước tiên dẫn Đại Kinh trình bày chung về tướng Tiệm giáo của một thời kỳ; đây là trình bày đầy đủ về thiết lập giáo môn ẩn hiện làm lợi ích chúng sanh cho nên sử dụng Tiệm giáo này. Tiếp theo từ “Thỉ tự...” trở đi là bắt đầu từ Nhân-Thiên cuối cùng đến Phật Thừa, cũng gọi là Tiệm. Đây là dựa theo con người. Con người tuy ở nơi các Vị dần dần tiếp cận mà đạt được lợi ích tùy theo mức độ, bắt đầu từ Nhân-Thiên theo thứ tự đi vào Thật, đây là như Chỉ Quán bắt đầu phá bỏ ba đường dữ sau đó đạt được Thường Trú. Người này không trải qua Hoa Nghiêm, chỉ bắt đầu từ trước Lộc Uyển, ban đầu tiếp nhận Nhân-Thiên sau đó dần dần đi sâu vào. Nói là trung gian ấy, hoặc trở lại bắt đầu từ Phương Đẳng-Bát-nhã, về sau dần dần đi sâu vào, đều như trước giải thích, cùng gọi là Tiệm, bởi vì sau Lộc Uyển đều có Nhân-Thiên cho đến Thật Tướng. Người thuộc căn cơ Tiệm như vậy ban đầu không ở Hoa Nghiêm về sau không đến Pháp Hoa, giáo tuy trải qua Tiệm hoặc là đạt được lợi ích về Đốn, nhưng người ấy chưa đi vào thì nếu như đến Pháp Hoa, gặp được pháp hội khai mở từ đầu đến cuối lại gọi là Tiệm Đốn, tất nhiên là con đường đặc biệt chứ không hoàn toàn gọi là Tiệm. Thứ ba trong phần trình bày về Bất định giáo, có hai: 1. Sơ lược gợi ý nêu ra; 2. Dẫn kinh giải thích. Trong giải thích có ba: Một. Dẫn ra Giáo; Hai. Giải thích kinh; Ba. Trong kết luận giải thích ý kinh, lại có hai: a. Trình bày về lý do của Bất định là dựa vào pháp đã nghe trước kia; b. Chính thức trình bày về Bất định, tức là tập khí đời hiện tại phát ra. Tạm thời lấy Đề gọi là Thủ, Đề nghĩa là hãy còn thuộc về hiển lộ không dựa vào Bí mật, cho nên đến Lộc Uyển mới phân ra hiển lộ và Bí mật. Tiếp trong phần Sanh Tô-Thục Tô chỉ nói đến Bồ Tát ấy cũng là hiển lộ, cũng nên nói là nếu như Bí mật giáo thì người Nhị thừa khắp nơi đều có thể đi vào, chỉ là văn giản lược mà thôi. Không nói đến kinh này, thì như trong quyển thứ nhất đã phân biệt, bởi vì kinh này không có Bất định giáo. Trong Niết-bàn, nói đến hàng Độn căn Nhị thừa ấy, thuận theo hướng về Pháp Hoa đều được giác ngộ đi vào, nếu đến Niết-bàn thì chính là Độn của trong Độn, đây là giống như năm ngàn Thanh văn lại trở thành Bất định. Nói Bồ-tát ấy tức là Tạng-Thông Bồ Tát, đến trong Niết-bàn mới được nghe về Thường, phá trừ vô minh cũng thuộc về Bất định. Những căn cơ này đều gọi là phát khởi Bất định. Nói bảy loại phương tiện đều đi vào cứu cánh ấy, nay giải thích về

Bất định, không những bảy loại phương tiện trong Niết-bàn đều được đi vào Thật gọi là Bất định, mà trong các giáo trước cũng lại như vậy. Nếu trong Viên giáo và Đẳng Địa Biệt giáo được đi vào Thật thì không gọi là Bất định, cho nên tên gọi Bất định chắc chắn thuộc về phương tiện. Vả lại, Đẳng Địa-Đẳng Trú vượt qua đoạn trừ thì vô minh cũng gọi là Bất định, vì vậy gọi là Đề hồ giết hại người. Tiếp là dựa theo Quán Môn, trong ba Quán này thì một loại Đốn Quán hoàn toàn giống như Chỉ Quán, Tiệm và Bất định có phần nào không giống nhau. Tiệm ban đầu không nói trước tiên tu quy giới, xuống phía dưới thì vẫn giống nhau; như trong giáo trước ban đầu tức là Nhân-Thiên, đạo lý trong này ban đầu cũng là quy giới nhưng vẫn giản lược. Bất định chỉ dựa vào thứ tự luận về phát khởi Bất định. Nếu như Chỉ Quán ấy chỉ luận về sự tiếp nhận thuận theo Sư thì tu hành là Bất định, vì vậy văn ấy nói hoặc Tiệm-hoặc Đốn-hoặc Chỉ-hoặc Quán. Đã nói Thiên Thai truyền cho Nam Nhạc, thì không thể nào từ nơi Sư truyền cho mà phát khởi, vì vậy không giống nhau. Đây là dựa theo xưa kia đã nghe nay thuận theo tu quán mà phát khởi Bất định. Vả lại, Tiệm Thứ Quán nói: “Bắt đầu từ Sơ phát tâm làm Viên cực cho nên tu A-na-ban-na”. Ý Chỉ Quán ấy cũng lại như vậy, cho nên ba loại ấy ban đầu đều biết là Viên. Người không thấy điều đó thì nói là Chỉ Quán Tiệm ban đầu không biết lý của Viên cực gọi là Biệt giáo, thì thật là sai lầm! Tiếp nhận một tông phái này, đều cần phải am hiểu một cách chủ quan, tin theo luận thuyết trống rỗng ấy, chỉ uống phí lời nói mà thôi. Trong Tiệm Thứ Quán có hai: 1. Giải thích; 2. Lại tách biệt chỉ ra. Nói rằng nếu như đích thực dựa sát vào, ấy là bởi vì văn trong này đều dựa vào Nhị thừa Bồ tát bốn Giáo để phân rõ về Quán. Tiếp theo lại nói là đích thực, tức là dựa vào sử dụng hành tướng của Biệt giáo, mà Sơ tâm biết Viên ấy là vậy. Tiếp trong phần giản lược nêu ra, có hai: 1. Giản lược; 2. Kết luận. Văn phần một tự phân làm hai hành Tín-Pháp. Trong phần hai kết luận rằng đại khái Phật pháp, tức là trước nêu ra Đại cương, cho nên ở đây kết luận rằng Đại khái Phật pháp. Nói là Đại cương ấy, thì nghĩa của ba loại này, hoặc là Giáo-hoặc là Quán, bao gồm tất cả một thời kỳ hoá độ, nói là Đốn thì trước sau cùng có, nói là Tiệm thì lại có ba loại khác nhau. Bất định lại dựa vào các Môn, liên quan với bốn Giáo, nêu ra Quán chỉ là Giáo Bộ của các hành. Giáo Bộ tùy theo hành như thế nào, là đến địa vị nào? Phát tâm vốn mong cầu, tất cả đều không giống nhau, không giả định ắt cần phải từ đầu đến cuối. Hoàn toàn chưa luận tướng tận về từng phần từng mục của các Môn, bởi vì nghĩa này cho nên gọi là Đại Cương.

Không giống như người xưa dùng ba tên gọi này hạn cuộc phân định về Bộ, nay Sư dùng điều này làm đại cương từ đầu đến cuối, ở trong đó hoặc là dựa theo Thanh văn - Độn căn Bồ tát, hoặc là dựa theo Lợi căn chỉ giác ngộ Bồ tát, hoặc là so sánh- hoặc là gộp lại, hoặc là phá bỏ, hoặc là kết hợp, hoặc là mở ra, hoặc là rút lại, hoặc là hiển lộ, hoặc là Bí mật. Những ý như vậy tùy theo sự việc giải thích riêng biệt, lại cần phải dựa theo Giáo, do đó cùng với những sự phân định xưa và nay không giống nhau. Tiếp là dẫn văn chứng minh cho Đại Cương về ba Giáo. Sở dĩ dẫn ra ba văn ấy là phẩm Phương Tiện giải thích về pháp. Văn nghĩa hiển bày ấy, là Vô lượng Nghĩa trở lại nói về khai mở, làm lý do hợp tác. Phẩm Tín Giải, là dẫn dắt tường tận năm vị trước sau, Quyền-Thật xưa nay không thiếu. Nếu nói là Phương Tiện, thì thâm nhiếp hai vòng sau. Nếu như nói Tín Giải, thì lại bao quát trước sau. Vì vậy dẫn ra ba văn này, bao quát tất cả một Bộ. Bốn Môn nói rõ cho biết thành tựu từ lâu, cho nên cũng sơ lược dẫn ra, vì vậy chính thức dẫn ba văn đầy đủ nghĩa. Nhưng văn ba nơi, ý văn tuy có đủ, nay thuận theo dễ hiểu, tùy sự hiển bày mà nói, cho nên hai văn trước, văn nghĩa làm sáng tỏ lẫn nhau, một văn sau bao gồm từ đầu đến cuối. Thứ nhất là dẫn ý trong Phương Tiện, tạm thời chọn lấy thuận theo Đốn đưa ra văn Lộc Uyển. Thứ hai là dẫn Vô lượng Nghĩa, đích thực là văn Phương Đẳng-Bát-nhã sau Lộc Uyển. Thứ ba là Tín Giải ấy cùng thâm tóm hai văn. Nay thứ nhất là văn trong phẩm Phương Tiện, lại có ba: 1. Dẫn văn; 2. Giải thích; 3. Kết luận chỉ ra. Phần một trong văn dẫn ra trình bày đầy đủ về Tiệm-Đốn, nói rằng ở trong hai mươi một ngày thì cận đại giải thích rằng chỉ là mới thành tựu chứ không nói đến số ngày. Bồ tát Lưu Chi nói: “Thuyết kinh Hoa Nghiêm thì năm hội trước thuyết vào bảy ngày thứ nhất, hội thứ sáu thuyết vào bảy ngày (tuần) thứ hai”. Dẫn kinh Địa Trì nói “Tôi nghe như vậy...” là thành đạo chưa lâu, tức là bảy ngày thứ hai vậy. Lại có người nói tám hội như trước, hội thứ chín thuyết vào thời khác. Tan Sở phá bỏ cách giải thích của hai Sư trước rằng: “Ngày thứ bảy chỉ thuyết về Thập Địa, cho nên biết chắc chắn thuộc về bảy ngày thứ hai. Nếu dựa theo hai kinh Thâm Mật-Phổ Diệu, thì ngày thứ bảy ở tại Lộc Uyển thuyết về Tam Thừa. Tứ Phần Luật nói bảy ngày thứ sáu. Kinh Hưng Khởi Hạnh phân định là bảy ngày thứ bảy. Ngũ Phần Luật nói ngày thứ bảy. Trí Luận nói năm mươi bảy ngày. Kinh Thập Nhị Du nói một năm mới bắt đầu thuyết pháp. Kinh Quá Khứ Nhân Quả nói: “Bảy ngày thứ nhất tư duy về pháp mà mình chứng đạt rất vi diệu không có ai có năng lực tiếp nhận, bảy ngày thứ hai tư duy về ba căn Thượng-Trung-Hạ, bảy

ngày thứ ba tư duy rằng ai thích hợp để nghe pháp, liền đến Ba La Nại thuyết về Tứ Đế cho năm người”. Tiểu Vân Pháp Hoa Sớ nói: “Hai mươi mốt ngày đã thuyết về Pháp Hoa”, dẫn ra đoạn sau Túc Vương Hoa Trí Phật ở dưới cội cây Bồ-đề bảy báu thuyết về kinh Pháp Hoa, nay Đức Phật cũng như vậy, sơ lược giống như kinh Nhân Quả. Nay ý Sư là Đức Phật ở địa vị Pháp thân dùng Phật nhãn quán xét thấu triệt tất cả, há chỉ có lưu lại lâu ở đạo tràng hai mươi mốt ngày thôi sao? Nay trình bày về hai mươi mốt ngày thì ý có những biểu hiện bày tỏ ba chu, bảy ngày thứ nhất tư duy về Pháp thuyết, bảy ngày thứ hai tư duy về Dự thuyết, bảy ngày thứ ba tư duy về Nhân Duyên thuyết đều không có căn cơ cho nên dừng Đại mà thi thiết Tiểu. Đây là Thiên giáo dựa vào Viên giáo để nói. Nếu cùng dựa theo Đại thừa để nói, thì bảy ngày thứ nhất tư duy thuyết về Viên giáo, bảy ngày thứ hai tư duy muốn thuyết về Biệt giáo, bảy ngày thứ ba tư duy cần phải thuyết về Thông giáo, đều vì không có căn cơ cho nên dừng Đại mà thi thiết đối với Tam Tạng giáo. Tiếp trong phần giải thích, có hai: 1. Giải thích về Đốn; 2. Giải thích về Tiệm. Phần một trong giải thích về Đốn, có hai: Một. Chính thức giải thích về ý Đốn trước phẩm Phương Tiện; hai. Từ phẩm Tựa về sau là dẫn hai văn trợ giúp giải thích sau Đốn trình bày về Tiệm. Văn phần một là dựa theo căn cơ Đại thừa, tức là thời gian của Tịch Trạng; dựa theo căn cơ Tiểu thừa tức là thời gian thành tựu rồi tư duy mà chưa tuyên thuyết. Văn phần hai phân làm hai: a. Dẫn ra hai văn; b. Từ “Như thử đẳng...” trở xuống là phân định về tướng lợi ích khác nhau. Phần (a) lại có hai: Đầu là dẫn Tựa văn, tiếp là dẫn Dũng Xuất. Phần đầu trong dẫn Tựa, có hai: Trước là dẫn Phật hiện tại, tiếp là dẫn Cổ Phật. Phần dẫn Dũng Xuất, như văn. Phần (b) trong đạt được lợi ích khác nhau, có hai: Đầu là thiết lập khác nhau, tức là hai Vị trước sau khác nhau; tiếp từ “Hà giả...” trở xuống là giải thích, lại phân làm năm: Thứ nhất dựa theo sở duyên; thứ hai từ “Như ngư...” trở xuống là dựa theo Hoá Chủ; thứ ba từ “Tam giáo” trở xuống là dựa theo Giáo-Vị; thứ tư từ “Hựu ước...” trở xuống là dựa theo Hạnh; thứ năm từ “Dĩ thử...” trở xuống là ý kết luận. Thứ nhất trong phần dựa theo Cơ vốn có được hai tên gọi, Đại cho nên gọi là Đốn, Sơ cho nên gọi là Nhũ. Thứ hai trong phần dựa theo Hoá Chủ, có hai: Trước là ví dụ, tiếp là kết hợp. Cơ duyên tuy là hai, mà dựa theo Phật thì luôn luôn là Đốn, cho nên nói là vốn có ở Pháp thân. Thứ ba trong phần dựa theo Giáo, có hai: Đầu là chỉ dựa theo Hoa Nghiêm được tên gọi, tiếp từ “Ngũ vị...” trở xuống là đối chiếu Vị các Giáo khác được tên gọi là sai khác, cho nên đối với Tiệm-Bất định

gọi đó là Đốn, ở đầu bốn Vị cho nên lại gọi là Nhũ. Thứ tư trong phần dựa theo Hạnh, cũng từ những so sánh có được hai tên gọi, một là từ Lý cao nhất đã chứng đạt, có được tên gọi là ĐỀ hồ; hai là có được tên gọi về Nhũ lại thuận theo hai nghĩa: 1. Bắt đầu Đại Hạnh; 2. Căn cơ Tiểu thừa chưa chuyển. Trước là nêu ra hai nghĩa, tiếp từ “Hả giả...” trở xuống là giải thích về tướng chưa chuyển của Tiểu thừa. Thứ năm là kết luận như văn. Tiếp là trong phần giải thích về phẩm Phương Tiện khai mở Tiệm, có hai: 1. Thuật về phẩm Phương Tiện; 2. Từ “Cổ Niết-bàn...” trở xuống là dẫn Niết-bàn chứng minh. Văn phần một lại có hai: Một-Chính thức dẫn phẩm Phương Tiện; hai- Từ “Phi đản...” trở xuống là giải thích Cổ Phật giống như vậy, là dựa vào phần dẫn văn Tựa. Phần hai là văn Niết-bàn, có hai: Một. Dẫn về Pháp ví dụ; Hai. Từ “Tiệm cơ...” trở xuống là giải thích tên gọi của Vị. Sở dĩ nói không chọn lấy đậm nhạt, ấy chỉ là căn cơ Tiểu thừa như Nhũ vị ở Hoa Nghiêm, không phải là Lạc đậm đà đối với Hoa Nghiêm. Phần ba là kết luận chỉ ra như văn. Tiếp trong phần dẫn Vô lượng Nghĩa, có hai: 1. Dẫn văn; 2. Từ “Phật nhãn quán nhất thiết” trở xuống là giải thích ý kinh. Lại có hai: Một. Trình bày về trước Đại sau Tiểu; Hai. Từ “Nhược y...” trở xuống là trình bày về đầu Tiểu sau Đại. Phần một như văn. Trong văn phần hai có hai: a. Trình bày về ý trước Tiểu sau Đại; b. Tiếp từ “Thứ thuyết...” trở xuống là chính thức trình bày về Đại ở sau. Phần (a) lại có hai: Đầu là sơ lược nêu ra, tiếp từ “Sở dĩ...” trở xuống là giải thích. Phần (b) trong chính thức trình bày, lại có ba: Thứ nhất là Phương Đẳng; thứ hai là Bát-nhã; thứ ba là Pháp Hoa. Thứ nhất trong Phương Đẳng, lại có sáu: 1. Lược thuật về Đại Chỉ của Bộ; 2. Từ “Cổ Thân Tử...” trở xuống là trình bày về người bị chỉ trích; 3. Từ “Nhiên Phương Đẳng...” trở xuống là trình bày về thời gian bị chỉ trích; 4. Từ “Hà giả...” trở xuống là trình bày về ý nhận chịu chỉ trích; 5. Từ “Tử tích...” trở xuống là trình bày về lợi ích của sự chỉ trích trách mắng; 6. Từ “Án Vô lượng nghĩa...” trở xuống là kết luận về Thời. Các văn này là cùng dựa vào đối chiếu Tiểu thừa và Bồ-tát độn căn để trình bày. Văn phần một, câu trước nói Tiểu thừa chỉ thiên về Thanh văn, câu sau nói Tam tạng bao gồm cả Bồ-tát. Văn phần hai, lại sơ lược nêu ra hai người, còn lại thì dựa theo ví dụ. Thiện Cát không hay biết mà bỏ bình bát, Thân Tử sợ hãi mà chối từ Hoa, lấy Không Trí làm chủ yếu đi vào đạo, cho nên dựa vào hai người này vì vậy trong Bát-nhã cũng thêm vào hai người này. Văn phần ba, sau khi đắc quả thì có sự chỉ trích trách mắng, lúc chỉ trích trách mắng lại nói là xưa kia, suy xét biết là cùng ở mười hai năm trước. Phần bốn như văn.

Văn phần năm, nếu như chưa đắc quả thì có đầy đủ phiền não, căn cơ Đại thừa lại phát sinh. Nếu như nhất định quả trách thì sợ Giáo không tiếp nhận sẽ có tổn hại mà không lợi ích gì, ở đây nói vậy chẳng? Bởi vì trách mắng sau khi đắc quả, cho nên thành tựu hai lợi ích: Một là đắc quả, thành tựu lợi ích đối với Lạc; hai là chỉ trách quả trách, thành tựu lợi ích thuộc về Tô. Phần sáu như văn. Thứ hai trong phần trình bày về thuyết Bát-nhã, có hai: 1. Dẫn kinh sơ lược thiết lập; 2. Từ “Đại Phẩm...” trở xuống là giải thích ý kinh. Trong giải thích có bốn: Một. Sơ lược giải thích ý kinh; Hai. Từ “Hựu vân...” trở xuống là trình bày về giống nhau và sai khác trong Bộ; Ba. Từ “Đại Phẩm...” trở xuống là kết luận thành tựu theo thứ tự; Bốn. Từ “Phục ngôn...” trở xuống là kết luận về lợi ích. Phần một như văn. Văn phần hai, đầu là giống nhau, tiếp từ “Nhi ngôn...” trở xuống là sai khác, sai khác tức là Bất Cọng, đây là Bất Cọng Bát-nhã, cùng với Cọng của Nhị thừa mà nói. Lại phân thành hai nghĩa: 1. Dùng pháp giới làm Hoa Nghiêm; 2. Dùng thời gian dài nối thông cho đến về sau. Hai nghĩa cùng nối thông với nhau, vì vậy cả hai đều tồn tại, căn cơ Đại thừa thì Hoa Nghiêm không dừng lại, căn cơ Tiểu thừa thì các giáo theo thứ tự, vì vậy theo độn căn hãy còn giống như cách nhìn của Tiểu thừa. Phần ba, phần bốn như văn. Thứ ba là trình bày sau Bát,nhã thuyết về Pháp Hoa, cũng có hai: 1. Dẫn ra Giáo sơ lược thiết lập; 2. Giải thích. Trong giải thích có ba: Một. Trình bày ý thuyết về Đốn; Hai. Từ “Cố...” trở xuống là dẫn chứng về ý kết luận; Ba. Từ “Phục ngôn...” trở xuống là kết luận về lợi ích. Trong lợi ích có hai: a. Trình bày về cùng Vị với Niết-bàn; b. Từ “Hựu Đãng Minh...” trở xuống là trình bày về Hóa duyên không giống nhau cho nên có - không chẳng như nhau. Trong đó lại có bốn: thứ nhất giải thích; thứ hai ví dụ; thứ ba từ “Pháp Hoa...” trở xuống là dẫn chứng; thứ tư từ “Vấn...” trở xuống là liệu giản giải thích nghi ngờ. Hai phần đầu như văn. Thứ ba trong dẫn chứng, có hai: Trước là dẫn chứng, tiếp từ “Vi thử...” trở xuống là kết luận. Thứ tư trong liệu giản, đầu là hỏi như văn. Tiếp trong trả lời nói trong Đại Luận - Tu-bồ-đề lại hỏi tất định hay không tất định ấy, Đại Luận chín mươi ba trước tiên nêu ra kinh nói: “Tu-bồ-đề thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Bồ-tát Ma ha tát tất định hay không tất định? Đức Phật bảo với Tu-bồ-đề: Tất định chứ không phải là không tất định. Tu-bồ-đề thưa: Là tất định nơi nào, là Thanh văn ư, là Bích chi Phật ư? Đức Phật dạy: Không phải trong Nhị thừa đạo, mà là trong Phật đạo. Tu-bồ-đề lại thưa hỏi: Là sơ tâm Bồ-tát, hay là hậu tâm Bồ-tát? Đức Phật dạy: Sơ tâm và Bạc trí, đều là tất định” Tu-bồ-đề ở trong Pháp

Hoa đã nghe rằng các Bồ-tát được thọ ký cho nên đã tất định, nay lại tiếp tục thưa hỏi cho nên biết Tu-bồ-đề lại vì người chưa hội nhập mà thưa hỏi. Vì vậy biết sau Pháp Hoa lại thuyết về Bát-nhã là rõ ràng rồi. Bát-nhã không khác cho nên kết tập lại cùng làm một Bộ. Ba là dẫn Tín Giải tức tạm thời trải qua năm Thời, lại phân làm hai: Trước là dẫn chứng tiếp nhận năm Thời giáo; tiếp từ “Thử ngũ vị...” trở xuống là kết luận hai kinh cùng một Vị. Đầu nói là theo thứ tự ấy, Hoa Nghiêm ban đầu nói ở tại Bồ-đề đạo tràng mới thành tựu Chánh Giác, ở phần đầu trình bày rồi. Các Bộ Tiểu thừa tuy nói là mới thành tựu, tất nhiên là căn cứ thấy chỉ là ban đầu mà thôi. Dựa vào phẩm Tín Giải cởi bỏ Diệu vương vào thô cho nên biết là ở thứ hai. Kinh Đại Tập nói Như Lai thành đạo mới mười sáu năm; cho nên biết Phương Đăng ở sau Lộc Uyển. Kinh Nhân Vương nói: Như Lai thành đạo hai mươi chín năm rồi thuyết Ma Ha Bát-nhã cho Ta, vì vậy biết Bát-nhã ở sau Phương Đăng cũng biết là Nhân Vương ở sau Đại Phẩm. Pháp Hoa nói hơn bốn mươi năm, Đại Kinh nói lúc sắp diệt độ, nên biết rằng thứ tự có những chứng cứ rõ ràng. Do đó biết người xưa dùng Pháp Hoa làm Vị thứ tư đối chiếu với Bát-nhã, chỉ dùng Niết-bàn làm Vị thứ năm, thật là sai lầm! Văn tiếp theo lại có hai: 1. Trình bày hai kinh chung một Vị; 2. Từ “Nhiên nhị kinh...” trở xuống là dùng trí dấy khởi tất cả các tướng giống nhau để giải thích về Vị như nhau. Trong đó lại có hai: Một. Nêu ra; Hai. Từ “Như Pháp Hoa...” trở xuống là giải thích. Đầu tiên nói nhưng mà giáo của hai kinh có ý dấy khởi đều là giống nhau. Dấy khởi nghĩa là chính thức thuyết ra phần đầu, tất cả nghĩa là chính thức thuyết ra phần cuối; trong phần giải thích có hai: a. Chính thức trình bày về dấy khởi - toàn bộ giống nhau; b. Từ “Hựu Niết-bàn...” trở xuống là tiếp tục phân rõ. Văn phần (a) Pháp Hoa dùng hai môn Bốn - Tích làm hai phần trước - sau, trước thì khai mở Quyền - hiển bày Thật đoạn trừ Thanh văn, sau là trình bày về Bốn môn tăng theo đạo - giảm bớt sanh. Lại tiếp tục phân rõ trước đây khai mở Quyền vốn là Hóa Chủ thành Phật từ lâu xa. Niết-bàn Chánh Thuyết khai mở làm thành bốn đoạn: 1. Từ Phẩm Thuần Đà trở đi trình bày về Niết-bàn đoạn tuyệt ba Tu; 2. Từ phẩm Trường Thọ tiếp đến mười bốn phẩm là trình bày về nghĩa Niết-bàn; 3. Từ phẩm Hiện Bệnh tiếp theo năm phẩm là trình bày về hạnh Niết-bàn; 4. Từ phẩm Sư Tử Hống tiếp theo ba phẩm trình bày về dụng của Niết-bàn. Vì vậy biết đầu tiên đã đoạn tuyệt Thanh văn, sau đó chỉ trình bày đối với nghĩa dụng của Niết-bàn, cho nên hai kinh dấy khởi hoàn toàn giống nhau. Ba là trình bày về ý trong phần Bán-Mãn tác thành lần

nhau. Tạm thời gác lại ba giáo trước, đối với giáo pháp suốt một thời kỳ lại cần phải dùng hai nghĩa Bán-Mãn tác thành lẫn nhau, mới có thể loại dần tất cả chương nạn trở ngại trong một thời kỳ. Ở nơi năm Vị tuy là như vậy nhưng nếu không luận về tác thành lẫn nhau thì đối với Lý chưa đạt đến điểm cuối cùng. Trong đó phân làm hai: 1. Trình bày về một mình Dụng sẽ phát sinh trở ngại; 2. Từ “Kim Minh...” trở xuống là chính thức trình bày về tác thành lẫn nhau. Trong văn phần một nói nếu như dứt khoát sử dụng năm Vị, thì hãy còn giống như Sư Nam tông không có Tuệ-phương tiện, bởi vì tuy có phương tiện mà không có Phật tuệ, cho nên gọi là ràng buộc. Nếu như dứt khoát sử dụng Bán-Mãn, thì hãy còn như Sư Bắc tông không có phương tiện-tuệ, bởi vì tuy có Phật tuệ mà không có phương tiện, cho nên tuệ gọi là ràng buộc. Tại vì sao? Bởi vì nếu như lấy Lộc Uyển làm Bán Tự giáo, tiếp về sau đều là Mãn Tự Giáo, thì trong Mãn Tự Giáo chỉ có thể dựa theo một phạm vi của Thật, mà lạc mất đi đối với Quyền. Bởi vì người khác trình bày về Mãn Tự Giáo, không phân chia Quyền-Thật, cho nên nay thuận theo xưa kia đã từng có, chỉ có thể gọi là Thật mà mất đi lợi ích của Sanh Tô và Thục Tô, cùng Nhị thừa hai giáo trong Sanh Tô-Thục Tô, và Bồ-tát mới đi vào trong hai giáo vì vậy trong Mãn Tự Giáo chỉ đạt được đối với Thật. Phần hai trong chính thức trình bày thì ý không phải như vậy, cùng làm thành lợi ích cho nhau, năm Vị là cùng nhau tiến thẳng lên, từng vị từng vị có Bán-Mãn tác thành lẫn nhau, lại đối với từng Vị từng Vị đều có Bí mật, cho đến Bất định. Vậy thì Tuệ đạt được phương tiện vốn là Tuệ Giải thoát, phương tiện đạt được Tuệ thì phương tiện Giải thoát, Quyền-Thật cùng qua lại, ở đây rõ ràng rồi. Trong đó lại có hai: Một. Sơ lược trình bày về xa rời sai lầm; Hai. Từ “Nhược Hoa Nghiêm...” trở xuống là chính thức phân định. Trong văn phần một nói là không xa rời nhau ấy, là Bán-Mãn trái ngược nhau, có khai mở có hợp lại. Nay năm Vị theo thứ tự của Sư, chỉ dùng Đại Kinh là có những bằng cứ, nhưng ý của các Giáo phân tán ở các Kinh, văn của Đại Kinh chỉ sơ lược kết luận nêu ra các giáo trước mà thôi. Phần hai là chính thức phân định, lại có hai: a. Chính thức phân định; b. Từ “Như Lai...” trở xuống là trình bày về công năng của Bán-Mãn. Vậy thì ý tác thành lẫn nhau của Sư này, không giống với người xưa là có nguyên do. Trong văn phần (a), nói là Đốn-Mãn... ấy, trong Hoa Nghiêm đích thực ngăn cách Tiểu trình bày về Đại, ở phần đầu của kinh ấy, vĩnh viễn không có Thanh văn, cho nên nói là chỉ có Mãn. Bốn Vị sau, hoặc là đơn độc-hoặc là kèm cặp, có thể dùng ý biết được. Vì vậy không giống như người xưa đã phân định,

huống là theo thứ tự, mỗi mỗi khác với người khác. Trong phần (b) là công năng, có hai: Đầu là nêu ra Hóa Chủ ngợi khen, tiếp là thuật về Thanh văn lãnh hội. Bốn là trong phần trình bày về Hợp, Bất Hợp, có hai: 1. Tổng quát trình bày về ý hướng đến; 2. Từ “Nhược Hoa Nghiêm...” trở xuống là chính thức trình bày về Hợp, Bất Hợp. Lại phân làm hai: Một. Chính thức giải thích; Hai. Hỏi đáp giải thích nghi ngờ. Văn phần một có ba: a. Trình bày về năm Vị có Hợp, Không Hợp, ba Vị trước không Hợp, Bất-nhã có Hợp, Không Hợp, Pháp Hoa luôn luôn Hợp, Hợp là tên gọi khác của Hội ấy vậy; b. Từ “Tự Lộ Uyển” trở xuống là trình bày về lý do Hợp, Bất Hợp; c. Từ “Tổng tự...” trở xuống là bốn câu phân biệt về tướng Hợp, Bất Hợp. Trong văn phần (a) nói phần sau... ấy, theo kinh Bất Tư Nghị Cảnh Giới nói: “Xá-lợi-tử cùng năm trăm Thanh văn đều là Bát Bồ tát ở địa vị cuối cùng của phương khác, cho nên nay ở tại Thệ Đa Lâm này tụ hội dấu tích thị hiện Thanh văn”. Dựa vào kinh Hoa Nghiêm: “Lúc Văn Thù Sư Lợi từ Thệ Đa Lâm đi ra, Xá-lợi-phất nói với năm trăm Thanh văn rằng: Các ông hãy nhìn tướng hảo oai nghi của Văn Thù Sư Lợi...” quán sát trong kinh ấy thì từ ngữ của Xá-lợi-phất hình như đã nghe về các pháp Đại thừa từ đầu đến cuối. Như vào lúc ở pháp hội Phương Đẳng Bát-nhã, chưa có thể giác ngộ cho nên trạng thì lúc ấy giống như cầm điếu. Dùng phần sau mà nói, thời gian vẫn xa cách với vợ, cũng có thể nói không ở trước Lộ Uyển, nay tạm thời phân định là thời gian của hội Hoa Nghiêm. Trong văn phần (b) có hai: Đầu là trình bày chung về nơi chốn của Tam Thừa được hội tụ; tiếp là tách biệt hiển bày về nơi chốn của Thanh văn được hội tụ. Văn phần đầu lại có hai: Trước là trình bày ở Pháp Hoa; tiếp là trình bày ở Niết-bàn. Hai văn đều có hai: Trước là giải thích, tiếp là dẫn chứng. Trong văn phần tiếp là tách biệt hiển bày Thanh văn, có hai: Trước là nêu ra hai giáo; tiếp là giải thích hai giáo. Trong giải thích có hai: Đầu là Bí mật, sau là hiển lộ. Trong phần đầu là Bí mật dùng Đề nghĩa là so sánh đưa ra ba Thời, văn này có thể dùng chung đứng đầu tất cả. Tiếp trong phần trình bày về hiển lộ, có ba: Thứ nhất là luận về người chưa tiến vào địa vị tùy theo nơi chốn đều được tiến vào, ý nói những người này không chuyên vào Pháp Hoa, chứ không nói là hoàn toàn không đến Pháp Hoa; thứ hai là trình bày về trú trong quả vị không vượt qua Pháp Hoa; thứ ba từ “Vị nhập vị...” trở xuống trình bày về hạn thượng mạn trong Pháp Hoa đi đến Niết-bàn. Trong văn thứ hai nói tin tưởng chân thành, ấy là người tiến vào địa vị. Giả sử đến Pháp Hoa mà không chịu hợp lại, ấy đích thực là văn thúc bách chân thành. Văn nói:

Nếu như có người thật sự đạt được A-la-hán mà không tin pháp này thì điều như vậy thật vô lý. Nên biết rằng không phù hợp tức là không tin tưởng, không tin tưởng cho nên gọi là không thật sự đạt được. Vì vậy nói rằng không phù hợp thì trở thành tăng thượng mạn, người thượng mạn thật sự không thể vào được, người được tiến vào không phải là tăng thượng mạn. Trong văn thứ ba năm nói ngàn người đứng dậy rời xa, ấy là ở nơi hội Niết-bàn vừa mới được đi vào Diệu. Còn trong phẩm Thí Dụ, Kinh Đại Anh Lạc: “Lại có năm ngàn Bồ tát nghe Đức Phật thuyết về công đức pháp thân của Như Lai, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vòng quanh Đức Phật ba vòng rồi lùi lại, Mục Liên thưa hỏi Đức Phật: Những Đại sĩ này tu Bồ tát đạo, đã tiến vào kho tạng Chánh Pháp của Như Lai, trong hạnh vượt quá Nhị thừa, tại sao nghe thuyết về nghĩa sâu xa của ba thân, không thể tiếp nhận mà lại rút lui vậy? Đức Phật dạy: Đây người thiện nam! Người này nghe thuyết về pháp này, máu nóng lưu chuyển lên mặt, tại vì sao? Bởi vì Vô lượng kiếp luôn luôn phỉ báng nhận chịu tội lỗi. Năm ngàn Bồ tát này, từ quá khứ ở nơi hằng sa Đức Phật, tu lục độ đầy lên ý tưởng đấm trước, có tâm hối hận xin ra thoái chuyển, nên phải trải qua nhiều kiếp chịu khó chịu khổ, ngàn Đức Phật quá khứ hãy còn độ không được. Vị Thượng Thủ ấy tên gọi Dũng Trí, tuy là tu Bồ tát đạo, mong muốn được thành Phật nhưng không thể được, như người muốn làm nhà ở giữa hư không”. Đã phát tâm Bồ-đề tu hạnh lục độ, mà có đấm trước, có tâm hối hận, có thoái chuyển, tuy nghe về ba thân mà hãy còn từ chỗ ngồi đứng dậy đi ra, huống là những Thanh văn tăng thượng mạn chưa từng tiến vào địa vị ấy, là văn từ áp chế của Bộ Phương Đẳng, cho nên nói là ngàn Đức Phật quá khứ. Nếu như thật sự nói về người này ở trong Niết-bàn hãy còn đã được đi vào. Trong phần (c) là bốn câu phân biệt, câu thứ nhất nói Hoa Nghiêm Tam Tạng chẳng phải hợp, chẳng phải không hợp ấy, Hoa Nghiêm kèm theo Biệt gọi là chẳng phải hợp; đã thuần là Đại thông cùng với Tiểu gộp lại, thì không giống như Phương Đẳng Bát-nhã, gọi là chẳng phải không hợp. Tam Tạng thuần là Tiểu không hợp vào Đại, gọi là chẳng phải hợp; đã thuần là Tiểu thì không cùng với Đại gộp lại, không giống như Phương Đẳng Bát-nhã gộp lại so sánh mà nói gọi là chẳng phải không hợp. Niết-bàn cũng hợp, cũng không hợp ấy, vốn không trú vào Tiểu gọi là cũng hợp; vẫn giữ lại phương tiện gọi là cũng không hợp những câu còn lại có thể biết. Tiếp theo là giải thích nghi ngờ, như văn. Tiếp trong phần liệu giản: Nêu ra chương mục, giải thích. Trong giải thích có hai: 1. Giải thích; 2. Hỏi đáp giải thích nghi ngờ. Phần một lại có hai: Một.

Sơ lược thiết lập; Hai. Giải thích. Trong giải thích, đầu là trình bày về 4 Vị trước nối thông với nhau, tiếp từ “Nhược Niết-bàn...” trở xuống là trình bày về Niết-bàn, Pháp Hoa nối thông cho đến trước. Văn phần đầu tự phân bốn. Thứ nhất trong phần trình bày về Hoa Nghiêm có hai: 1. Dẫn kinh giải thích; 2. So sánh kết luận. Văn phần một lại có hai: Một. Trình bày nối thông đến hai kinh; Hai. Trình bày nối thông đến Niết-bàn. Văn phần một nói là hai kinh ấy, là Bát-nhã và Pháp Hoa, bởi vì Bát-nhã được gọi là Hoa Nghiêm cho nên Phật Tuệ trong Pháp Hoa không khác ban đầu. Phần hai là nối thông đến Niết-bàn, phân làm hai: a. Chính thức dẫn kinh; b. Từ “Phù nhập...” trở xuống là thuật về ý. Văn phần (a), kinh ấy đã có nói là “Trú thế gian Vô lượng kiếp, lại thấy Báo thân ở Liên Hoa tạng hải thuyết về Tâm địa pháp môn...” vì vậy biết Hoa Nghiêm đến Niết-bàn về sau, dùng Tượng Pháp ấy giải quyết nghi ngờ kết luận về Niết-bàn. Phần (b) là thuật lại ý, là lúc mới xuất hiện trước tiên soi chiếu đã đặc biệt có được tên gọi là Đốn, ánh sáng rực rỡ còn lại chỉ một mình đạt tới cùng với sự soi chiếu trước tiên có gì sai khác? Bởi vì trước sau đều soi chiếu núi cao, núi cao không khác nhau thì Thế soi chiếu không có gì khác biệt. Vì vậy trước sau đều đều là Hoa Nghiêm. Phần hai là so sánh kết luận có thể biết. Tiếp từ “Nhược tu...” trở xuống là Lạc vị nối thông về sau, lại phân thành bốn: 1. Sơ lược thiết lập; 2. Từ “Hà giả...” trở xuống là chứng thành; 3. Từ “Thích Luận...” trở xuống là dùng kết tập để chứng minh thành tựu; 4. Từ “Đương tri...” trở xuống là tổng kết. Văn tiếp theo ấy là hai người tuy ở tại Pháp Hoa được thọ ký, mà sau này hãy còn làm thành duyên kết giới của Tam Tạng, cho nên biết Tam Tạng đến sau. Nói Ca Lưu Đà Ni là, “bởi vì đi vào làng xóm không phải lúc nên đã làm cho mọi người nghi ngờ mà bị đánh chết chôn vùi trong phân ngựa. Đức Phật khiến các Tỳ kheo tìm kiếm mãi không thấy, mà từ trong phân ngựa xuất hiện liền đi vào liệt độ. Vì vậy Đức Phật chế định: Đi vào làng xóm hợp thời”. Văn ở Niết-bàn, cho nên biết Niết-bàn, cho nên biết Niết-bàn cùng kết tập lại thành Tạng giáo Tiểu thừa. Lại như “Thân Tử ở trong Pháp Hoa mà làm người chịu trách nhiệm thừa thĩnh, đến khi diệt độ rồi Đế Thích cúng dường xong thu lấy ba y giao cho Sa Di, Sa Di giữ gìn ba y của Hòa Thượng tôn kính như Đức Phật; Đế Thích đem sự việc thưa với Đức Phật, nếu như có người đã nói thì nên thọ trì, trước tiên hãy đến nơi A Nan hỏi xem, A Nan cùng đi đến nơi Đức Phật. Đức Phật hỏi: Giới thân Hòa Thượng của ông có diệt không? Thưa rằng: Không diệt! Thậm chí Giải thoát tri kiến thân có diệt không? Thưa rằng: Không diệt! A Nan thưa: Hòa Thượng

luôn luôn thuyết pháp giáo hóa Vô Ngã cho nên ghi nhớ như vậy mà thôi. Đức Phật dạy: Dừng lại, dừng lại A Nan! Chư Phật quá khứ có thể không phải là diệt chằng, mà năm phần không diệt, thì ưu sầu ở nơi nào vậy?” tuy nói rằng năm phần không diệt, mà chung quy là ý trong Tiểu thừa, cho nên Tam Tạng là đến sau. Nên biết rằng Thanh văn tuy được thọ ký, mà căn cứ Tiểu thừa chưa giác ngộ, thì cuối cùng tự mình thấy là Tiểu thừa. Duyên diệt độ của Xá-lợi-phất, dẫn ra từ Tăng Nhất A Hàm thứ chín. Trong phần ba là Phương Đăng đến sau, có hai: 1. Thiết lập; 2. Từ “Hà giả...” trở xuống là giải thích. Trong giải thích có hai: Giải thích và kết luận. Trong giải thích nói rằng Đà-la-ni vân, ấy là kinh Phương Đăng Đà-la-ni quyển hạ nói: “Văn Thù Sư Lợi nói: Nay mình không biết gì về nơi thú hưởng của nghĩa Đại Đà-la-ni này! Nghĩ rồi thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Như trước đã nói, trước đây ở vương thành đã thọ ký cho Thanh văn, nay lại ở Xá Vệ quốc thọ ký cho Thanh văn, xưa ở Bà La Nại thọ ký cho Thanh văn, nay con có phần nghi ngờ, muốn có sự thỉnh cầu thưa hỏi, chỉ mong Đức Phật cho phép con thưa hỏi! Xá-lợi-phất hỏi Văn Thù Sư Lợi: Đức Thế Tôn thọ ký, không bao lâu sẽ đạt được Bồ-đề, mỗi người ở một thế giới, như Đức Thế Tôn bây giờ. Đức Thế Tôn không giả dối, lời Ngài dạy là chân thật, cho nên có thể thọ ký cho chúng ta lần thứ hai, thứ ba, chắc chắn sẽ giống như Thích Ca Mâu Ni”. Nói đến Pháp Hoa về sau, tức là chỉ cho Phương Đăng ở sau Pháp Hoa. Văn sau kinh ấy lại nói: “Xá-lợi-phất nghe Văn Thù được thọ ký, hỏi Văn Thù Sư Lợi rằng: Ý ông nghĩ thế nào? Văn Thù Sư Lợi nói với Xá-lợi-phất: Ý ông nghĩ thế nào? Giống như cây khô, lại đơm hoa kết trái phải không? Cũng giống như nước trên núi chảy xuống, trở về lại nơi ban đầu hay không? Đã vỡ ra vẫn hợp lại được không? Hạt giống cháy đen có nảy mầm hay không? Xá-lợi-phất nói: không thể nào! Văn Thù nói: Nếu như không thể nào có được, thì tại sao hỏi tôi được thọ ký có hoan hỷ hay không? Thọ ký không có hình, không có tướng, không có ngôn ngữ diễn tả, không có quá khứ, vị lai, giống như ngựa hoang, quán xét như vậy mới gọi là được thọ ký”. Văn này là Văn Thù Sư Lợi phá bỏ tướng được thọ ký của Xá-lợi-phất, cũng giống như chỉ trích chê bai, vẫn giống như Bát-nhã, cũng có thể nói rằng Bát-nhã thuộc về ý trước vậy. Bốn là trong phần trình bày về Bát-nhã, có hai: 1. Thiết lập; 2. Từ “Hà giả...” trở xuống là giải thích. Trong giải thích có hai: Văn phần đầu là chính thức dẫn kinh để giải thích; tiếp từ “Hựu Thích Luận...” trở xuống là dẫn sự việc dẫn chứng. Tiếp theo là trình bày từ sau đến trước, phân làm hai: Trước là

Niết-bàn, tiếp là Pháp Hoa. Văn phần trước có hai: 1. Thiết lập; 2. Giải thích. Trong giải thích có hai: Một. Dựa vào đạo lý; Hai. Từ “Đại Kinh...” trở xuống là dẫn chứng. Tiếp trong Pháp Hoa có hai: 1. Phân thành hiển lộ và Bí mật; 2. Kết luận. Nói rằng thọ ký chung, ấy là ý Đức Phật thọ ký không che đậy, Tiểu thừa vì tình chấp ngăn cách tự nhiên không có hy vọng đạt được, huống là dựa theo Bí mật đã thọ ký cho Nhị thừa ư? Dựa vào đây để luận chung cho đến Lộc Uyển. Tiếp trong phần giải thích nghi ngờ nói rằng Biệt giáo lại có bốn loại ấy, Thập Trú Biệt giáo tu tập Sanh - Vô Sanh, Thập Hạnh Biệt giáo tu tập hướng về Vô lượng, Thập Hưởng Biệt giáo tu tập đối với Vô tác, Đẳng Địa Biệt giáo chứng được Vô tác, cho nên nói là bốn loại. Lại trong Thập Hạnh luyện tập các pháp của Phật, luyện tập đầy đủ đối với một loại mười sáu môn, cũng gọi là bốn.

Hỏi: Trú lấy sự luyện tập làm thành tám, tại sao trong Hạnh lại luyện tập thành mười sáu?

Đáp: Trước là sự Tự Hành tùy theo sử dụng một môn, sau là Hóa Tha vì vậy cho nên trong Hạnh lại luyện tập tám môn, do đó mười sáu môn, đều cần phải luyện tập rộng ra. Hai là trong phần lợi ích và không lợi ích: Trước là nói về ý; tiếp là phân ra giải thích về mức độ đậm, nhạt ấy. Phần trước dựa theo chọn lấy bên Dụng, phân làm hai: 1. Giải thích; 2. Từ “Bất khả...” trở xuống là kết luận. Văn phần một có hai, đó là thí dụ và hợp lại. Văn phần hai có hai: Một. Dùng thí dụ để kết luận; Hai. Từ “Thiếu phần...” trở xuống là trình bày về ý thí dụ. Văn phần một cũng có hai: a. Thí dụ; b. Hợp lại. Phần (b) lại có hai: Đầu là chính thức hợp lại; tiếp từ “Ưu thiếu...” trở xuống là dùng thí dụ thuận theo hợp lại. Phần hai trong ý thí dụ, nói là thiếu phần thí dụ không thể nào theo đuổi đầy đủ, ấy là lấy Hoa Nghiêm làm Nhũ, chỉ chọn lấy cơ duyên phát sinh chưa có thể đi vào Đại, lại ở đầu tiên trong năm vị mà nói, vì vậy Hoa Nghiêm phân biệt dụ cho Vị thứ nhất, mà chưa được đi vào Đốn của Hoa Nghiêm, và hai giáo Biệt - Viên cùng có tướng của năm vị theo thứ tự, lại có Bất định và Bí mật như nhau. Tiếp trong phần giản lược dựa theo ví dụ Lương Y, có hai: 1. Thí dụ; 2. Từ “Phật diệt như thị...” trở xuống là hợp lại; 3. Từ “Nhược thủ...” trở xuống là kết luận. Trong kết luận có hai: Một. Kết luận về ý mở ra và rút lại; Hai. Từ “Thử thủ...” trở xuống là kết luận về ý dùng thí dụ. Không dùng Vị đậm làm Nhũ, vị nhạt làm Lạc, cho nên biết tự nhiên dựa theo thứ tự phát sanh lẫn nhau làm thí dụ; hoàn toàn dùng ở ban đầu cho nên giống như Nhũ, rút lại sử dụng ở sau cho nên giống như Lạc. Trong phần ba

dựa theo người thực hành, có hai: 1. Chính thức giải thích; 2. Trả qua hỏi đáp liệu giản. Phần một lại có hai: Một. Chính thức dựa theo người thực hành Tiểu thừa có được tên gọi khác nhau; Hai. Từ “Hành nhân...” trở xuống là ý kết luận khác nhau. Phần hai trong hỏi đáp, có hai: Một, Hỏi; Hai, Đáp. Trong đáp phân làm ba: Tức là Đốn - Tiệm và Bất định. Phần (a) là Đốn, phần (b) từ “Tự hữu...” trở xuống là Tiệm, phần (c) từ “Tự hữu lợi căn...” trở xuống là Bất định. Văn ba phần đều có hai: Trước là giải thích, tiếp là dẫn Đại Kinh. Bởi vì dựa vào ba ví dụ khác nhau, Vị tiếp nhận cũng nhiều ít không như nhau. Đây chính là nghĩa thích hợp với ba, chứ không phải là dựa theo Hành mà luận về ba. Tại vì sao? Bởi vì giống như người Nhị thừa đến Đề hồ thì cũng có thể gọi là Đốn. Như trong Bất định nói là Kiến Tánh cùng là nghĩa về Đốn. Dựa vào ban đầu hỏi rằng Vị tiếp nhận nhiều ít, vì vậy trong trả lời vẫn dựa vào Giáo Tướng đưa ra ba ý này. Nói là trả qua hai Vị cho đến bốn Vị ấy, đến Vị thứ hai thì lập tức Kiến Tánh, cho nên nói là hai vị, ba, bốn cũng như vậy. Trong phần thứ ba trả qua các Giáo, có hai: 1. Tổng kết dùng năm vị so sánh phàm phu và bốn Giáo; 2. Mỗi một Giáo đều có đủ năm vị. Văn phần một có hai: Một. Dẫn kinh; Hai. Giải thích thí dụ. Trong mỗi một Giáo có đủ năm vị, trước là sơ lược nêu ra, tiếp là giải thích tất cả, văn tự phân làm bốn, đầy đủ như trong Chỉ Quán thứ ba ghi lại. Trong mỗi một Giáo đều có ba loại Đốn.Tiệm và Bất định, vậy thì không những tên gọi năm vị nối thông với nhau mà ba Giáo cũng đâu có gì vướng mắc ngăn ngại? Siêu quả Bất định ấy, trong mỗi một Giáo đã cùng sử dụng thí dụ của năm vị, để thí dụ cho Tiệm. Nếu như phát khởi tập khí vốn có không trải qua năm vị, mà có thể lập tức vượt lên trên thì gọi đó là Đốn. Tùy theo sự phát khởi không giống nhau thì gọi là Bất định. Nếu như vậy, Bồ tát Thông - Biệt tại sao lại gọi là nghĩa của vượt lên trên quả?

Đáp: Giáo đạo không có vượt lên trên nhưng Chứng đạo cũng có, vì vậy bốn Giáo đều có Tiệm. Đốn và Bất định của bốn Giáo như nhau. Trong Viên giáo, văn thứ nhất là Đốn, thứ hai từ “Vô sai nhi sai” trở đi là Tiệm, thứ ba từ “Tùng Phật...” trở đi là Bất định. Trong Tiệm nói dựa theo danh tự đến cứu cánh tức phân định năm vị phát sanh lẫn nhau ấy, là chỉ dùng năm Tức theo thứ tự so sánh với năm vị. Thứ ba nói từ Phật phát sinh mười hai bộ giáo. Phát khởi Bất định. Tức là Bất định giáo trong Đốn vậy, cũng có lúc vượt lên trên địa vị lấy làm Đốn trong Viên. Nói là có thể dựa theo bốn thiện căn... ấy, là năm phẩm ngoại phàm, chưa có thể gọi là phát khởi, cần phải dùng đoạn trừ Hoặc theo mức độ

cao thấp mà phân định địa vị. Nên nói rằng: Tín thứ nhất như Nhữ, Tín thứ hai đến Tín thứ bảy như Lạc, Tín thứ tám - chín - mười như Sanh Tô - Thục Tô. Bắt đầu từ Trú thứ nhất, cuối cùng đến Diệu Giác, cùng giống như Đề hồ; dựa theo năm vị này lại luận về Bất định. Tiếp trong phần tăng số trình bày về Giáo, sở dĩ thiết lập môn này, ấy là đích thực nói rằng Giáo môn tuy nhiều, nhưng không ra ngoài thể thức thuận theo Thật để khai mở Quyền, thuận theo Quyền để kết hợp Thật. Dùng thể thức này biết tất cả Giáo môn, Đại ý có thể hiểu. Trong đó tự có hai: 1. Tích; 2. Bốn. Trong phần một là Tích, có ba: Một. Chính thức trình bày về khai hợp; Hai. Tổng kết. Phần một lại có hai: a. Từ Đại nhất để khai mở các nhất; b. Từ Đại nhất để khai mở Tiểu nhất đều là trước khai mở, sau hợp lại. Đầu nói là Nhất Thừa ấy, đề chọn lấy Đại thừa trong bốn Giáo, cho nên nói cùng mong cầu Phật quả. Vốn nói là Bốn ấy, tức là Nhất thừa Viên giáo. Tiếp trong hai pháp, có hai: Một. Trình bày về khai hợp; Hai. Tổng kết. Tiếp trong ba pháp, chỉ đưa ra hai loại ba pháp, cũng cần phải luận về tướng khai hợp, văn tóm lược có thể thấy. Tiếp là hai loại bốn pháp, như văn. Tiếp trong năm pháp, cũng có hai loại khác nhau, trong năm cũng có năm pháp của hai loại dọc, ngang, đầu là nêu ra hai loại năm pháp, tiếp là chỉ ra khai hợp. Tiếp trong sáu pháp chỉ có một loại. Vẫn nêu ra bảy, tám pháp, trong đó đầu là nêu ra, tiếp từ “Sơ khai...” trở xuống là nêu ra tướng khai hợp. Tiếp là hai pháp bảy, tám ấy, đối với pháp tướng luận về khai hợp, khai mở thì trở thành tám, hợp lại thì trở thành bảy. tiếp theo trong Bốn Môn ấy, ví dụ đối với Tích Môn, lại phân làm ba: 1. Nêu ra; 2. Thiết lập ba loại pháp tướng của Bốn Môn, nghĩa là cũng có Đốn, Tiệm và Bất định; 3. Chính thức trình bày về khai hợp. Tiếp lại có hai: 1. Cùng nêu ra Bốn thuận theo một pháp giới Phật, khai mở thành Vô lượng chủng loại hình thể; 2. Kết luận về những chủng loại hình thể này, không ra ngoài ba pháp Đốn - Tiệm và Bất định. Tiếp trong phần chính thức khai hợp gần như hướng vào Tích, Bốn chỉ là pháp của các loại khai hợp này, ở lâu trong Bốn cho nên đã thành Bốn, thể lệ thích ứng có thể hiểu rõ, muốn làm cho dễ thấy vì vậy lại trình bày về điều ấy, chỉ là Bốn mới thành đạo làm thành sử thi thiết giáo hóa này mà thôi. Thứ nhất trong một pháp cũng trước là khai hợp - tiếp là kết luận. Trong phần dựa theo hai pháp luận về khai hợp vốn là Như Lai Tạng ấy, chính là lý Chánh Thể Nhất Thật của Pháp Hoa, cho nên gọi là Tạng. Trong Thật Lý có đầy đủ pháp của Đồng Thể Quyền Thật gọi là Bán, Mãn, chúng sanh không hiểu vì thế khai mở đưa ra Mãn kèm theo Bán. Như Bát-nhã Bộ đối chiếu với Bán của Nhị thừa

để trình bày về Mãn, lại cũng không hiểu, vì vậy lại khai mở Mãn phá bỏ Bán, gọi là Phương Đẳng Bộ. Tất cả những pháp đã nói về Đại phần lớn là phá bỏ Nhị thừa, lại cũng không hiểu, tiếp tục khai mở một mình Bán gọi là Lộc Uyển Giáo. Vốn nói là hai ấy, là dựa vào thiết lập tên gọi của Bán, cho đến các Bộ Pháp Hoa, Niết-bàn thuyết về ý Giáo, mới gọi là Bán. Lộc Uyển chỉ có Tiểu, cho nên vĩnh viễn không thiết lập tên gọi của Bán Giáo. Phương Đẳng công kích gạt bỏ Tiểu thừa không có phần, sao lại có Bán Giáo? Bát-nhã giao cho tài sản hãy còn không có hy vọng đạt được, giống như thuộc về người khác cũng không thể gọi là Bán Giáo. Như chữ Bán của thế gian có thể trợ giúp thành tựu Mãn cho nên gọi là Bán, nay dùng Bán này mà so sánh với Mãn cho nên cũng gọi là Bán. Đây là thuận theo hai loại Bất Tư Nghị, hai loại Bất Tư Nghị. Nay hợp lại hai loại Bất Tư Nghị, quy về hai loại Bất Tư Nghị, hai loại Bất Tư Nghị thuần túy một vị Đề hồ như nhau.

Từ “Ký giả tư lục dị đồng” trở xuống là Chương An ghi chép lẫn lộn tùy theo những gì mình nghe khác nhau, không liên quan đến sự ghi chép những điều Đại sư thuyết giảng, do đó không dựa vào văn. Tiếp theo cũng không có sâu, cạn, trong đó phân làm hai: 1. Ghi lại xen lẫn những điều nghe nơi khác; 2. Từ “Duy văn...” trở xuống là thuật lại về mình suy ra Đại sư kết thúc phần trước phát sinh phần sau. Văn phần một phân làm bốn: Một. Liệu giản Bát-nhã và Pháp Hoa để phân rõ đồng, dị; Hai. Trình bày về lý, hợp trong các tạng kinh, luận; Ba. Trình bày về danh nghĩa của bốn Giáo dựa vào; Bốn. Phá bỏ năm Thời bảy bậc khác nhau của người xưa. Văn phần một có hai: a. Vấn nạn; b. Từ “Hữu nhân...” trở xuống kết hợp tất cả. Văn phần (a), đầu là nêu ra kinh văn từ đầu đến cuối, tiếp là kết luận hỏi rằng ba loại này sao nói là nối thông, một là dựa vào sự thông hiểu về Tông rất rõ ràng hình như Bát-nhã hơn hẳn Pháp Hoa, hai là dựa vào quyển thứ nhất trăm thì Pháp Hoa hơn hẳn Bát-nhã, ba là chỉ do tên gọi khác nhau thì hình như hai kinh giống nhau. Một luận ba văn hình như trái ngược nhau sao nói là kết hợp thông suốt? Văn phần (b) là trong phần kết hợp tất cả, chỉ kết hợp hai phần trước chứ không kết hợp phần ba, bởi vì kết hợp hai phần trước cho nên biết rõ là đồng, dị. Ở trong hai phần trước, đầu là kết hợp Bát-nhã thù thắng, tiếp là kết hợp Pháp Hoa thù thắng. Văn phần đầu có hai: 1. Dẫn người khác kết hợp; 2. Trình bày về nơi này kết hợp. Phần một là trong phần người khác kết hợp, có hai: Một, Kết hợp; Hai, Hỏi đáp giải thích nghi ngờ. Văn phần một có ba: a. Nghĩa về thiết lập hai tuệ; b. Từ “Hựu Bát-nhã...” trở xuống là dẫn chứng; c. Từ “Thiện chúng

kinh...” trở xuống là kết luận về thù thắng. Phần (a) lại có hai: Trước là thiết lập; tiếp từ “Bát-nhã...” trở xuống là kết luận. Trong kết luận nói nghĩa là trình bày nhiều về hai Tuệ này, ấy nghĩa là tự phù hợp với Vô Tướng và hóa độ chúng sanh, tự hành là Thật, hóa độ chúng sanh là Quyền. Bát-nhã trình bày nhiều về hai Tuệ Quyền, Thật, đây chính là nổi thông còn chưa đủ để nói rõ đối với Bát-nhã là thù thắng. Phần (b) trong dẫn chứng, trước là dẫn ra ý Đệ nhất nghĩa Tất đàn, tiếp là dùng một Bộ để trình bày về hai Tuệ, cùng với ý vấn nạn như nhau mà ý này chưa bày rõ. Tiếp trong phần giải thích nghi ngờ, hỏi như văn, trả lời Đại Phẩm ban đầu chỉ trình bày về hai Tuệ này cho nên có được tên gọi mà thôi. Từ “Kim vị...” trở đi là Chương An phá trừ, trước là mở rộng nói vẫn là văn Đại Luận ấy, ba văn trước đã có trái ngược nhau, vẫn dẫn lời trong Luận sao gọi là kết hợp thông suốt, vì vậy đối với các kinh thì Pháp Hoa là đứng đầu. Từ “Hội thông giả...” trở đi là Chương An kết hợp tất cả, chỉ nói là trong Bát-nhã Bộ có lý Bất Cọng, thì ba văn đã dẫn có lý tự nhiên không trái ngược nhau, vì sao? Bởi vì Bất Cọng Bát-nhã thâm nhiếp tất cả các pháp, ngại gì Pháp Hoa cũng hòa vào trong đó Pháp Hoa khai mở và hiển bày không có gì không phải là Nhất Thiết Chung Trí, vậy thì nghĩa thứ nhất không trái ngược. Tuy cùng là Chung Trí Bát-nhã, mà không trình bày về Nhị thừa làm Phật, vậy thì nghĩa thứ hai không trái ngược. Bát-nhã chỉ là Chung Trí, Chung Trí không vượt quá Quyền Thật, Diệu Pháp chỉ là khai mở Quyền hiển bày Thật, ví như chương môn của năm vị Phật đều là Chung Trí. Vì vậy biết tên gọi khác nhau mà ý nghĩa không khác, vậy thì nghĩa thứ ba không trái ngược. Tiếp theo từ “Tha hội thông...” trở đi là kết hợp nghĩa thứ hai, lại có hai: 1. Sơ xưa kết hợp; 2. Nay kết hợp. Phần một lại có hai: Một. Kết hợp; Hai. Hỏi đáp giải thích nghi ngờ. Văn phần một lại có hai: a. Xưa kết hợp; b. Từ “Nhiên mật...” trở xuống là nay phân định. Trong văn phần (a) từ đầu đến “Kỳ sự nạn...” ấy, đây là cũng trình bày về nghĩa kết hợp của người khác chưa hoàn bị, người khác cũng không biết dựa vào đâu để làm xưa, giáo nào là Nhị thừa, không thể nào cùng phá bỏ tất cả, cho nên chỉ nói vân vân. Nhưng phân định Pháp Hoa thù thắng hơn Bát-nhã, điều này thì có thể không sai. Lại dựa theo văn Luận nói Pháp Hoa là Bí mật ấy, cần phải biết rằng Bí mật, ngôn ngữ giống nhau mà ý khác nhau. Như trước nói là hiển lộ chứ không phải Bí mật, nghĩa là không phải che đậy Bí mật, như giáo trước có Nhị thừa phát tâm, không để cho người chưa phát biết được, cho nên là che đậy Bí mật. Nay hướng về Bát-nhã làm Bí mật ấy, đây là Bí mật của vi diệu tuyệt vời. Trong Bát-

nhã không có Pháp Hoa là thù thắng, trước đã giải thích nhiều không có thể nói lại, cho nên lại chú thích là vân vân. Nhưng người khác dẫn luận ví dụ ấy, là xưa kia lấy phiền não sanh tử làm độc tố, nay dùng sanh tử để đi vào, không đoạn trừ phiền não, như dùng độc tố làm vị thuốc, cũng không biết dựa vào đâu mà Bồ tát đoạn trừ và không đoạn trừ. Lại nói rằng Bồ tát là nhân tố của Phật, như ba loại Bồ tát trong Bát-nhã thì Bồ tát hai giáo đến quả không có người, dùng Bồ tát nào làm nhân tố của Phật nào, mà nói là dễ hiểu chứ không có gì Bí mật vậy? Đây đủ như trong phần phá bỏ Quang Trạch đã nói. Vả lại, Viên trong Phương Đăng - Bát-nhã đâu đã từng không trình bày về Nhị thừa làm Phật, lúc nào không trình bày về dùng Độc tố làm vị thuốc, nhưng không hiển lộ đối với Nhị thừa mà nói thì gọi là Bí mật. Tiếp trong phần (b) là nay phân định, muốn phân rõ về ý sai khác hỗ trợ trình bày về Bí mật của vi diệu tuyệt vời, vì thế cho nên hiển lộ và Bí mật nối thông với Đại - Tiểu như nhau, thì Đại là Bí mật và Tiểu là hiển lộ. Do đó trình bày Bồ tát đoạn trừ Hoặc trong Đại thừa, đối với Bí mật lại tiếp tục dùng một ý thẳng thắn hiển bày tức là Bát-nhã, không trình bày về Nhị thừa làm Phật, cho nên nói là thiếu một điều này... tiếp trong phần liệu giản giải thích nghi ngờ trải qua một lần hỏi đáp, dùng văn thứ nhất biểu hiện rõ ràng về nghĩa sâu xa làm ý hỏi đáp ấy, nay nói biểu hiện rõ ràng không giống như cùng với trước cho nên Bát-nhã đơn giản dễ hiểu. Tiếp theo hỏi là Bát-nhã hướng về Pháp Hoa đã chưa hoàn toàn biểu lộ, vì sao gọi là Đại? Văn trả lời có thể thấy. Tiếp theo một lần hỏi đáp, lý cũng chưa biểu lộ, vì vậy Chương An thiết lập câu hỏi quở trách xong sau đó cũng dùng Cọng, Bất Cọng để phá bỏ. Tiếp theo từ “Chúng kinh luận...” trở đi là trình bày về các Tạng ly, hợp ấy, là bởi vì nghĩa của các Tạng nối thông với Kinh, từ xưa đến nay giải thích về Kinh thì trước Kinh là thiết lập Môn, đều có Tạng Bộ đã thâm nhiếp một Môn. Nay Pháp Hoa đã thu nhận tất cả các Giáo, cho nên dùng Tạng nối thông với tất cả các Kinh, vì vậy Chương An đối với các Kinh Luận hễ đã trình bày về Tạng, thì đều có thể thâm nhiếp rộng khắp tất cả các Kinh. Do đó bắt đầu từ hai tạng cuối cùng đến tám Tạng, đều dùng giáo pháp suốt một thời kỳ của Phật để nối thông với nhau. Thứ nhất nêu ra hai Tạng cho đến tám Tạng; thứ hai từ “Thông nhị tạng giả” trở xuống là nối thông với ý các Tạng đưa vào bốn Giáo và tám Giáo hiện tại. Đầu là dùng hai Tạng nối thông với bốn Giáo, ấy là dùng Thanh văn Tạng nối thông với Tam Tạng Giáo, dùng Bồ tát Tạng nối thông với ba Giáo, gọi là Ma Ha Diễn Tạng. Tiếp từ “Hựu chư...” trở xuống là nối thông với ba Tạng, ấy là

Thanh văn Tạng nổi thông với Tam Tạng Giáo, Tạp Tạng nổi thông với Thông Giáo và Biệt Giáo. Biệt Giáo tuy chỉ là có Bồ tát pháp, mà kèm theo phương tiện do đó cũng phù hợp với Thật vốn có, cho nên gọi là Tạp. Sau là Bồ tát Tạng nổi thông với Viên giáo. Tiếp từ “Hựu chư...” trở xuống là nổi thông với bốn Tạng, ấy chính là dùng một Giáo đều đối chiếu với một Tạng, cho nên nói là nổi thông lẫn nhau, không phải nói là trong bốn Tạng lại nổi thông lẫn nhau, mà chỉ là Tạng mà Giáo nhất nhất nổi thông với nhau. Thanh văn Tạng - Tạp Tạng - Bồ tát Tạng - Phật Tạng, theo thứ tự để đối chiếu với bốn Giáo thì ý nghĩa có thể thấy. Nếu bốn Tạng nổi thông với nhau thì đầy đủ như bốn tên gọi trước hiển bày lẫn nhau, nhưng Giáo Thể đã xác định thì không thể nào cùng có. Tiếp theo dùng tám Giáo nổi thông với tám Tạng ấy, ba Giáo trước như văn, tạm thời dựa vào Lộc Uyển làm ban đầu của Tiệm, tiếp theo là Phương Đẳng, sau đó chính là Bát-nhã. Vì vậy tiếp đến nêu ra ba Giáo Thông - Biệt và Viên, đích thực dựa vào ba Giáo này làm Bát-nhã Bộ. Không luận đến Pháp Hoa, ấy là bởi vì Pháp Hoa Bộ không phải là tám số vốn có, vì vậy quyển thứ nhất kết luận về Giáo Tướng rằng: Nay Pháp Hoa là Định chứ không phải là Bất định... trong tám Giáo trước đây tuy là có hiển lộ, mà hướng về Bí mật gọi là hiển lộ thì hãy còn là Quyền Giáo bị che lấp bởi gần Tích, vì vậy không giống như sự hiển lộ của Pháp Hoa. Và lại trong tám Giáo tuy có Viên Giáo mà kèm theo Thiên Giáo trình bày về Viên Giáo hãy còn thuộc về Tiệm Giáo, cho nên văn trước nói rằng Tiệm khai mở bốn Giáo. Nay trong Pháp Hoa thì Viên Giáo khai mở Thiên Giáo hiển bày Viên Giáo, ngoài Viên Giáo không có pháp nào. Ba là trình bày về danh nghĩa của bốn Giáo dựa vào, trong đó lại có hai: 1. Trình bày về người khác hỏi đáp; 2. Nay dẫn ra Giáo kết hợp thông suốt. Văn phần một hỏi rằng bốn Giáo từ Kinh nào đưa ra, trong trả lời mới dẫn ra bốn Giáo từ A Hàm, nhưng cùng có bốn Giáo mà không phải chính là Tạng - Thông..., cũng là xưa nói như vậy mà thôi, nhưng Giáo xác định Thể cùng với hiện tại không giống nhau. Phần hai là văn này kết hợp thông suốt, có hai: Một. Tất cả các Kinh; Hai. Tất cả các luận. Văn phần một, trước là dẫn kinh Nguyệt Đẳng Tam muội, tiếp là Chương An kết hợp giải thích, lại có hai: Đầu là kết hợp một tầng, tiếp từ “Bỉ kinh...” trở xuống là chỉ ra rộng rãi. Phần đầu lại có hai: Thứ nhất là tách biệt so sánh, thứ hai là so sánh chung tất cả, mỗi một Giáo đều có đủ bốn câu. Phần tiếp là chỉ ra rộng rãi, trong kinh ấy dựa vào Nguyệt Quang Đồng Tử Bồ tát thưa hỏi, Đức Phật vì Bồ tát mà thuyết rộng ra, đến đầu quyển thứ sáu: “Đức Phật bảo với

Nguyệt Quang Đồng Tử rằng: Có bốn loại ngôn luận không thể nghĩa bàn được, đó gọi là bốn loại như các hành...” Về sau có văn mỗi mỗi đều an lập nghĩa không thể nghĩ bàn được. Lại có bốn pháp tương ứng, đó gọi là các hành... Văn nêu ra như trước. Bốn Môn, bốn Ngữ, bốn Âm thanh, bốn Thanh tịnh ngữ, bốn Ngữ ngôn đạo, bốn Chủng mật ngữ, bốn Biện tài, bốn Tu-đa-la, bốn Đa văn, bốn Chủng đoạn vô minh trínhững loại như vậy tổng quát có bảy mươi bảy khoa bốn pháp, mỗi một khoa đều nói đến các Hành và không thể nghĩ bàn. Như nói một là pháp môn các hành không thể nghĩ bàn được, hai là môn trách mắng không thể nghĩ bàn được, ba là môn phiến não không thể nghĩ bàn được, bốn là môn thanh tịnh không thể nghĩ bàn được, cho đến các Hành đoạn trừ vô minh Trí không thể nghĩ bàn được, cho đến thanh tịnh đoạn trừ vô minh Trí không thể nghĩ bàn được, các loại bốn pháp đều như vậy, cho nên cùng với nghĩa bốn Giáo rất tương ứng. Như đoạn trừ vô minh Trí, bốn Giáo đều có vô minh của Giáo tương xứng, còn lại đều dựa theo đây dùng nghĩa để loại trừ dần. Tiếp là dựa theo Địa Luận thứ bảy nói về mười Ba-la-mật ấy, trong đó có hai: 1. Dẫn Luận; 2. Kết hợp. Văn phần một là Địa Trì thứ bảy dùng mười hai Trú thâm nhiếp tất cả các phần vị, giải thích về Bồ tát Trú thứ bảy, tức là tương đương Viên Hành Địa thứ bảy, năng y là Trú, sở y là Địa. Luận này tự dùng mười hai Trú làm năng y, không thể nào dùng Hạnh trước Thập Trú để làm năng y, Hưởng sau Thập Địa để làm sở y, ở trong từng niệm từng niệm có đủ mười Ba-la-mật cho đến bốn cách giải thích. Nay dựa vào bốn cách để đối chiếu với bốn Giáo, nếu dựa vào địa vị cao thì từng niệm từng niệm có đủ pháp, để thành tựu ý của Sơ tâm có đủ pháp, để chứng đạt Viên Môn trước sau không khác, cho nên đạt được Dụng. Cũng có thể mỗi một Giáo đều có đủ bốn Gia. Bốn là phân định Giáo không giống nhau ấy phân làm ba: 1. Sơ lược nói về xưa khác nhau; 2. Từ “Kim nghiệm...” trở xuống là phá bỏ; 3. Từ “Nhân tình...” trở xuống là nay thiết lập. Văn phần một lại có ba: Một. Thiết lập Tiệm, Đốn; Hai. Thiết lập Liễu, Bất Liễu; ba, Thiết lập Nhất âm. Phần một trong Tiệm, Đốn nói Tiệm có bảy bậc năm Thời ấy, sợ rằng lấy Nhân Thiện trước năm Thời làm hai bậc, Nhị thừa làm hai bậc, gộp với ba Thời còn lại gọi là bảy bậc. Phần hai trong phá bỏ, chỉ phá bỏ hai loại trước chứ không phá bỏ Nhất âm, đã phá bỏ Tiệm, Đốn thì Nhất âm tự nhiên hủy hoại. Đối với hai loại trước lại có hai: Trước là phá bỏ Đốn, Tiệm, tiếp từ “Nhiên Đại Phẩm, Pháp Hoa...” trở xuống là phá bỏ Liễu, Bất Liễu. Phần trước lại có hai: Đầu là tổng quát phá bỏ Đốn, Tiệm, tiếp là phá bỏ tách biệt bảy bậc

năm Thời trong Tiệm. Phần đầu lại có ba: a. Phá bỏ; b. Từ “Nhiên bất vô...” trở xuống là từ ngoài vào trong; c. Từ “Đản bất khả...” trở xuống là sơ lược nêu ra. Tiếp từ “Nhân ngôn...” trở xuống là phá bỏ tách biệt bảy bậc năm Thời ấy, trước là phá bỏ hai bậc Nhân Thiên trong Thời thứ nhất, tiếp từ “Nhân ngôn đệ nhị thời...” trở xuống là phá bỏ bốn Thời năm bậc còn lại. Đầu là phá bỏ Thời thứ hai, tiếp từ “Nhân ngôn đệ tam...” trở xuống là phá bỏ Thời thứ ba, từ “Ngôn tứ thập niên...” trở xuống là phá bỏ Thời thứ tư, từ “Nhiên Đại Phẩm...” trở xuống là chính thức phá bỏ Thời thứ năm cùng phá bỏ Liễu - Bất liễu. Trong đó có hai: Trước là mở rộng phá bỏ, tiếp từ “Nhược nhĩ Đản Công...” trở xuống là kết thúc vấn nạn. Văn phần trước lại có hai: Đầu là đối chiếu bốn Kinh trình bày đều có Liễu; tiếp từ “Phục ứng...” trở xuống là tổng quát dựa theo các Kinh trình bày đều có Liễu. Văn phần đầu có ba: a. Dẫn Đại Kinh trình bày về ba Kinh tên gọi khác nhau mà Thể giống nhau; b. Từ “Đại Phẩm...” trở xuống là trình bày về ba Kinh nghĩa lý giống nhau mà ngôn từ khác nhau; c. Từ “Nhân nhĩ...” trở xuống là dẫn con người để nghiệm xét. Phần (a) như văn. Trong văn phần (b) nói Duy Ma Phật thân xa rời năm loại chẳng phải Thường ấy, là như trong thất Tịnh Danh thuyết pháp cho các Quốc Vương - Trưởng Giả rằng: Thân này là Vô thường, không mạnh mẽ, không có năng lực, không vững chắc mau chóng hủy hoại, xa rời những điều chẳng phải là Thường này đạt được năm thân Thường Trụ. Như chương A Nan nói: “Thân Như Lai ấy tức là Pháp thân: 1. Chẳng phải thân tứ dục; 2. Phật là Thế Tôn; 3. Thân Phật là Vô lậu; 4. Thân Phật là vô vi; 5. Không rơi vào các số”. Phần (c) là dẫn con người, lại phân làm năm: Thứ nhất dựa vào Bốn ẩn kín; thứ hai từ “Hựu Xá-lợi-phất...” trở xuống là dựa vào Bốn hiển lộ; thứ ba từ “Hựu Niết-bàn...” trở xuống là dẫn lẫn nhau chỉ ra giống nhau; thứ tư từ “Hựu Pháp Hoa...” trở xuống là Long Nữ đã đạt được như nhau; thứ năm từ “Đại Trí Luận...” trở xuống là trình bày về sự giao phó như nhau. Vì vậy biết các Kinh, như nhau đều là trình bày về Thường, có gì là Bất Liễu? Các Kinh và kết luận có thể thấy. tiếp từ “Nhân tình...” trở xuống là trình bày về ý hiện nay, trước là kết luận về Sanh, từ “Ma đắc...” trở xuống là chính thức giải thích, lại phân làm năm: 1. Dẫn văn thiết lập Tạng; 2. Từ “Nhiên giáo tất...” trở xuống là đối chiếu Tạng phân biệt người; 3. Từ “Nhiên thử...” trở xuống là giản lược đối với chánh, phụ trình bày về ý thiết lập Tạng; 4. Hỏi đáp giải thích về trở ngại; 5. Từ “Kim chi...” trở xuống là khai mở Tạng so sánh Giáo. Văn phần một lại có ba: Một. Dẫn Ma Đắc Luận; Hai. Từ “Hựu...” trở xuống là dẫn người

kết tập; Ba. Từ “Long Thọ...” trở xuống là dẫn Đại Luận. Văn phần hai lại có hai: Một. Sơ lược phân biệt; Hai. Từ “Thanh văn Tạng trung...” trở xuống là giải thích nguyên cơ đưa ra. Trong đó trước là giải thích về hai loại Thanh văn, tiếp từ “Bồ-tát Tạng...” trở xuống là giải thích đưa ra hai bậc Bồ-tát. Phần ba và bốn như văn. Phần năm là so sánh Giáo, lại có hai: Một. Chính thức so sánh; Hai. Từ “Phi duy...” trở xuống là ca ngợi kết luận. Tiếp theo từ “Duy văn lược...” trở xuống là thuật về mình suy ra Đại sư, lại có ba: 1. Thuật về ghi lại ấy là ý; 2. Từ “Sư vân...” trở xuống là thuật về tác ý vâng theo Đại sư; 3. Từ “Thử bị...” trở xuống là kết luận đời này về sau. Phần một lại có hai: Một. Thuật về ý sơ lược; hai - Từ “Nhược thân...” trở xuống là thuật về ý cần phải mở rộng, trước là pháp, tiếp là dụ.

Trong phần thuật về Đại sư, có hai: a. Giáo; b. Quán; c. Từ “Viên thông...” trở xuống là kết luận. Phần (a) trong Giáo nói nếu có thể tìm hiểu bảy nghĩa này..., ấy là bảy loại cùng giải thích trong quyển thứ nhất, tiếp là Thông suốt mười Diệu ấy, là dùng bảy loại giải thích thông suốt để nối thông với mười Diệu, đầu tiên dùng bảy nghĩa nối thông với mười Diệu từ đầu đến cuối, quay lại nghĩa nối thông này đi vào từng Diệu một, đều dùng bảy nghĩa nhất nhất giải thích rõ ràng. Nghiên cứu Biệt Thể của bảy loại ấy là đem bảy loại giải thích thông suốt, nghiên cứu đối với giải thích tách biệt, đều làm cho có đủ bảy loại. Tuy chính là dùng bảy loại mà năm chương đan chéo lẫn nhau cuối cùng tự nhiên rõ ràng không sai, từng chương từng chương một, từng khoa từng khoa một, bảy nghĩa không thiếu sót. Trong phần kết luận, câu đầu là kết luận về Giáo, tiếp từ “Biển lãng...” trở xuống là kết luận về Quán.

